



MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA SAU 30 NĂM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN SINH CÚC*

ĐỒNG bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, là vựa thóc lớn không những của Việt Nam, mà còn là của thế giới. Theo các tài liệu lịch sử nông nghiệp Việt Nam, đến giữa thế kỷ XIX, vựa lúa lớn nhất Đông Dương này đã cung cấp hàng triệu tấn gạo cho thị trường thế giới và Việt Nam đã đứng thứ 3 trong số các nước xuất khẩu gạo lúc bấy giờ.

Song tiềm năng to lớn về đất đai, khí hậu, nguồn nước và kinh nghiệm sản xuất lúa gạo ấy đã không được khai thác hợp lý dưới chế độ Mỹ - ngụy. Thời kỳ trước giải phóng, nghề nông, nhất là nghề trồng lúa nước của đồng bằng sông Cửu Long bị giảm sút nghiêm trọng. Đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX diện tích lúa của đồng bằng sông Cửu Long chỉ còn 68% so với năm 1940. Hằng năm ngụy quyền Sài Gòn đã phải nhập khẩu gạo trên 700 nghìn tấn.

Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, sản xuất nông nghiệp của vùng này đã được hồi phục và phát triển. Năm 1976, diện tích gieo trồng lúa toàn vùng đạt 2062 nghìn héc-ta, năng suất bình quân 20 tạ/ha và sản lượng đạt gần 4,7 triệu tấn. Tuy nhiên, sự hồi phục và

phát triển đó không bền vững do tác động của cơ chế quản lý kinh tế và một số chính sách không phù hợp lúc bấy giờ. Mười năm đầu trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp với chính sách cải tạo nông nghiệp, điều chỉnh ruộng đất theo lối cào bằng và mô hình tập thể hóa triệt để mang tính áp đặt, sản xuất không ổn định. Hậu quả là sản lượng lúa vùng này trong các năm 1977 - 1980 chỉ xoay quanh 3,2 đến 4,7 triệu tấn, thấp hơn mức năm 1976 và 10 năm sau, năm 1985 cũng chỉ đạt 6,8 triệu tấn.

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, sản xuất nông nghiệp nói chung và lúa gạo nói riêng của vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long được hồi phục và phát triển toàn diện, tăng trưởng với tốc độ cao. Chỉ 2 năm sau đổi mới và 1 năm sau Nghị quyết 10 (tháng 4-1988) của Bộ Chính trị về khoán sản phẩm đến hộ nông dân, sản lượng lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long đã đạt 8,9 triệu tấn, tăng 2,1 triệu tấn so với năm 1985.

Với sự tăng trưởng nhanh về sản lượng lúa gạo đồng bằng sông Cửu Long, năm 1989 Việt Nam đã có thừa gạo để xuất khẩu với mức

* PGS, TS, Tổng cục Thống kê

1,4 triệu tấn, mở đầu trang sử mới trong sản xuất và xuất khẩu của nước ta. Từ năm 1989 đến nay, sản lượng lúa vùng này liên tục tăng nhanh với mức bình quân 1,3 triệu tấn/năm cho dù điều kiện của thời tiết nhiều năm không thuận lợi. Năm 2004, sản lượng đạt 18,57 triệu tấn, năng suất bình quân 1 vụ đạt 48,7tạ/ha và diện tích đạt 3.815 nghìn héc-ta. So với năm 1976, sản lượng đã tăng gấp 4 lần, năng suất tăng gấp hơn 2 lần. Từ năm 1990 đến năm 2004, sản lượng lúa vùng này chiếm trên 50% và lượng gạo xuất khẩu chiếm hơn 93% so với cả nước. Từ năm 1989, Việt Nam liên tục là nước xuất khẩu gạo với số lượng và chất lượng ngày càng tăng. Từ một nước thiếu lương thực, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới trong nhiều năm liền. Thành tựu đó có đóng góp rất lớn của đồng bằng sông Cửu Long cả về kinh nghiệm sản xuất nông sản hàng hóa và thâm nhập thị trường lúa gạo thế giới. Tốc độ tăng sản lượng lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long bình quân hằng năm trong 30 năm qua (chủ yếu gần 20 năm đổi mới) đạt 11%, bỏ xa tốc độ tăng bình quân của cả nước (7,8%) cũng như vùng đồng bằng sông Hồng (5,35%) trong thời gian tương ứng.

Trong 30 năm qua, đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng lúa tăng nhanh dựa cả vào 2 yếu tố: tăng diện tích và tăng năng suất. Tổng diện tích đất canh tác lúa của vùng sau giải phóng có trên 2 triệu héc-ta, trong đó 70% (1,5 triệu héc-ta) là ruộng 1 vụ. Nhờ việc đầu tư khai hoang, làm thủy lợi, tiêu úng xổ phèn, cải tạo đất, nên đã biến hàng trăm ngàn héc-ta đất hoang hóa hoặc chỉ làm một vụ lúa nổi bấp bênh thành những vùng đất 2 vụ lúa. Tính riêng 10 năm 1990 - 1999, diện tích đất canh tác lúa toàn vùng đã tăng bình quân gần 100 nghìn ha/năm, không những bù đắp diện tích lúa mất đi do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, xây dựng khu dân cư mới và hệ thống kết cấu hạ tầng, giao thông, thủy lợi mà

còn làm tăng diện tích đất lúa toàn vùng. Đến năm 2004, diện tích đất canh tác lúa vùng này là 2,1 triệu héc-ta, diện tích gieo trồng gần 3,9 triệu héc-ta chiếm 50% tổng diện tích trồng lúa cả nước.

Cơ cấu đất cũng đã thay đổi theo hướng tích cực: hầu hết đất trồng lúa hiện nay của vùng là đất 2 - 3 vụ lúa, còn đất 1 vụ không đáng kể. Vùng Đồng Tháp Mười đã khai hoang 34 ngàn héc-ta đất mới và chuyển hàng nghìn héc-ta từ 1 vụ lúa lên 2 vụ lúa ăn chắc. Chính tăng vụ là nguyên nhân chủ yếu làm tăng diện tích gieo trồng lúa của vùng này từ năm 1986 đến năm 2000.

Từ năm 2001 đến năm 2004, thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng "đất nào cây ấy" nên diện tích lúa vùng này giảm dần với quy mô hàng chục nghìn ha/năm. Một bộ phận đất lúa 1 vụ vùng bán đảo Cà Mau chuyển sang nuôi trồng thủy sản, bộ phận khác ở vùng Đồng Tháp Mười, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang, Long An... chuyển sang trồng cây lâm nghiệp, cây ăn trái, cỏ nuôi bò sữa đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Trong bối cảnh đó, tăng vụ, chuyển vụ và thâm canh tăng năng suất, ứng dụng khoa học, kỹ thuật là phương hướng cơ bản để tăng sản lượng và chất lượng lúa gạo vùng trong vùng.

Có thể nói, tăng vụ lúa đông xuân và hè thu là xu hướng phổ biến ở đồng bằng sông Cửu Long trong 30 năm qua và trở thành yếu tố cơ bản để vừa tăng diện tích, vừa tăng năng suất và sản lượng lúa. Nếu năm 1976, toàn vùng mới làm thử nghiệm 189 nghìn héc-ta lúa đông xuân, thì năm 2004 lên tới trên 1,5 triệu héc-ta, tăng gần 10 lần năm 1976. Diện tích lúa hè thu tăng với tốc độ chậm hơn: từ 442 nghìn héc-ta năm 1976 lên 1,9 triệu héc-ta năm 2004. Nguyên nhân của tăng vụ lúa đông xuân và hè thu ở vùng này là kết quả của quá trình đầu tư làm thủy lợi, cải tạo đất, thau chua, rửa phèn bảo đảm nước ngọt cho cây lúa

sinh trưởng và phát triển. Cùng với thủy lợi, nhiều loại giống lúa mới ngắn ngày, năng suất cao, chịu sâu bệnh, cũng đã góp phần tích cực vào quá trình tăng vụ và chuyển vụ lúa trong vùng. Diện tích lúa mùa năng suất thấp và bấp bênh giảm dần từ 1,43 triệu héc-ta năm 1976 xuống còn trên 400 nghìn héc-ta năm 2004.

Trong 30 năm qua, nhờ tăng vụ và chuyển vụ, diện tích lúa đông xuân và hè thu toàn vùng tăng gần 2,8 triệu héc-ta, diện tích lúa mùa giảm 80 vạn héc-ta, chung cả năm diện tích lúa tăng thêm 2 triệu héc-ta. Tăng vụ và chuyển vụ không chỉ làm tăng diện tích mà còn tạo điều kiện để thâm canh, tăng năng suất lúa toàn vùng. Tính chung 30 năm, năng suất lúa bình quân toàn vùng tăng thêm gần 26 tạ/ha tương đương 8 triệu tấn lúa, chiếm 50% tổng sản lượng lúa tăng thêm của toàn vùng. Sự thay đổi mùa vụ ở đồng bằng sông Cửu Long đi cùng với đổi mới cơ cấu giống lúa và quy trình sản xuất theo hướng thâm canh tăng năng suất. Nhờ đó, năng suất lúa từng vụ và cả năm ở vùng này tăng dần cùng với quá trình tăng vụ và chuyển vụ (xem bảng).

Bảng: Năng suất lúa bình quân 1 vụ ở đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1976 - 2004

Đơn vị tính: tạ/héc-ta.

Vụ lúa	Năm									
	1976	1980	1985	1990	1995	1996	1997	1998	1999	2004
Lúa đông xuân	32,8	26,5	43,0	48,2	51,6	51,9	53,3	53,0	50,0	58,0
Lúa hè thu	26,12	24,21	34,6	35,3	37,9	34,6	34,5	35,3	37,2	41,5
Lúa mùa	30,21	21,65	23,7	28,0	28,9	33,3	26,7	29,8	30,3	36,5
Lúa cả năm	22,62	23,07	30,5	36,7	40,2	40,1	39,8	40,7	40,8	48,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Do tác động tổng hợp của cả 2 yếu tố: tăng diện tích và tăng năng suất, nên sản lượng lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long trong 30 năm qua đã tăng trên 14 triệu tấn, chiếm 72% sản lượng lúa và 90% sản lượng lúa hàng hóa tăng thêm của cả nước trong cùng thời kỳ. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, lúa hàng hóa ở

vùng này bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và giữ vững vị trí nước xuất khẩu gạo đứng thứ 2 thế giới của Việt Nam.

Không những tăng nhanh về sản lượng mà chất lượng lúa gạo ở vùng này cũng không ngừng được cải thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng. Các loại lúa đặc sản có chất lượng cao như IR64, OM1490, OM2031, VND95-20, MTC250, IR62032, lúa Nàng thơm chợ Đào, Jasmine v.v... phục vụ xuất khẩu ngày càng mở rộng, chiếm tỷ trọng lớn cả về diện tích và sản lượng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu gạo.

Tóm lại, nguyên nhân trực tiếp làm tăng năng suất lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long những năm qua, như đã nêu ở trên, là do trình độ thâm canh lúa tiến bộ, đổi mới cơ cấu giống và cơ cấu thời vụ, chăm sóc và bảo vệ thực vật tốt và đặc biệt là hoạt động khuyến nông. Còn nguyên nhân sâu xa là tác động của cơ chế và các chính sách mới của Đảng và Nhà nước trong nông nghiệp, nhất là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã phát huy tác dụng tích cực, khuyến khích hàng triệu hộ nông dân trong vùng đầu tư, thâm canh, phát triển sản xuất lúa, làm giàu từ cây lúa.

Cùng với lúa, đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh cây ăn trái, thế mạnh tuyệt đối của vùng. Năm 2004, toàn vùng có trên 252 nghìn héc-ta diện tích cây ăn trái đạt sản lượng trên 3 triệu tấn quả, tăng gấp 2 lần năm 1976. Một số loại trái cây chất lượng cao, nổi tiếng như nhãn tiêu, xoài cát (Vĩnh Long, Bến Tre, Tiền Giang), quýt hồng (Đồng Tháp), cam quýt ngọt (Cần Thơ) bưởi Năm Roi (Vĩnh Long) v.v... phát triển thành những vùng chuyên canh, tập trung, quy mô lớn, sản lượng hàng hóa nhiều, theo mô hình kinh tế trang trại gia đình đem lại hiệu quả kinh tế cao. Vùng trồng cam, quýt tập trung ở tỉnh Cần Thơ, hằng năm đã cung cấp cho thị trường

gần 100 nghìn tấn quả có chất lượng, Bến Tre là 90 nghìn tấn quả.

Cùng với lúa và trái cây, đồng bằng sông Cửu Long còn có thế mạnh về *cây công nghiệp ngắn ngày*, nhất là mía, đậu tương, lạc. Năm 2004, diện tích mía toàn vùng đạt 73 nghìn héc-ta, năng suất bình quân 73,6tạ/ha và sản lượng đạt trên 5,4 triệu tấn, tương đương so với năm 1996, tăng gấp 4,4 lần; 51% và gấp 6,6 lần. Đã hình thành vùng sản xuất mía tập trung gắn với công nghiệp chế biến đường tại 4 tỉnh trọng điểm là Cần Thơ, Bến Tre, Sóc Trăng và Long An. Với mức sản xuất như năm 1999, sản lượng mía ở vùng này chiếm 46% sản lượng mía của các tỉnh miền Nam (13,9 triệu tấn) và bằng 34% sản lượng mía cả nước (17,8 triệu tấn); 2 tỷ lệ tương ứng của năm 1976 là 39,2% và 32,2%. Như vậy, đồng bằng sông Cửu Long vẫn đứng đầu trong 8 vùng về sản lượng mía và có vị trí quyết định trong thực hiện chiến lược sản xuất 1 triệu tấn đường của cả nước.

Nhờ sự phát triển của cây ăn trái, mía và rau màu, nên tính chất độc canh lúa của đồng bằng sông Cửu Long đã được giảm dần, thay vào đó là sự đa canh cây trồng để khai thác và sử dụng hợp lý quỹ đất, nguồn nước và nguồn lao động tại chỗ, tăng năng suất và hiệu quả của sản xuất. Giá trị sản xuất nông nghiệp tính trên 1 ha gieo trồng đã tăng từ 6,4 triệu đồng năm 1985 lên trên 27 triệu đồng năm 2004.

Chăn nuôi lợn và gia cầm cũng là một thế mạnh của nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trước giải phóng, tập quán chăn nuôi lợn thịt và vịt đàn, vịt thời vụ đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Sau giải phóng, xu hướng này tiếp tục phát triển toàn diện hơn. Trọng lượng xuất chuồng bình quân 1 con gia súc và gia cầm đạt mức cao so với mức trung bình của cả nước. Đối với lợn thịt: đồng bằng sông Cửu Long là 110kg, so với 70kg của cả nước và 80kg ở vùng đồng bằng

sông Hồng. Do vậy, đàn lợn đồng bằng sông Cửu Long tuy chỉ chiếm 14,3% về đầu con, nhưng trọng lượng xuất chuồng chiếm tới 23,8% tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng của cả nước hằng năm.

Bức tranh tương tự cũng diễn ra đối với đàn gia cầm và chăn nuôi khác. Số lượng gia cầm trong vùng so với cả nước chỉ chiếm tỷ lệ 22,3%, nhưng thịt xuất chuồng chiếm 30% và trứng gia cầm chiếm 24% của cả nước. Sau 30 năm giải phóng, đàn lợn tăng 3 lần, đàn gia cầm tăng 3,9 lần và thịt lợn hơi xuất chuồng tăng 4,25 lần. Không những tăng về số lượng mà cơ cấu và chất lượng thịt, trứng cũng có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng gắn sản xuất với thị trường. Một số sản phẩm chăn nuôi trong vùng đã được xuất khẩu với khối lượng ngày càng lớn, như: thịt lợn, thịt gia cầm, trứng vịt muối, v.v..

Từ nền nông nghiệp độc canh lúa, năng suất thấp trước giải phóng, ngày nay đồng bằng sông Cửu Long đã có một nền nông nghiệp đa canh, đa dạng hóa sản phẩm, có cơ cấu trồng trọt - chăn nuôi khá hợp lý và đang chuyển dịch theo hướng tích cực, rõ nét nhất là trong gần 20 năm đổi mới. Đó là yếu tố bảo đảm cho nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long tăng trưởng với tốc độ nhanh và bền vững so với các vùng khác của cả nước. Bình quân thời kỳ 1985 - 2004, tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp vùng này (theo giá cố định năm 1994) đạt 7,5%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trung bình của cả nước (4,9%) trong cùng thời kỳ. Trong phát triển nông nghiệp, đồng bằng sông Cửu Long không những đạt tốc độ cao nhất trong tất cả 8 vùng kinh tế của cả nước, mà còn có xu hướng tăng dần theo thời gian: năm 2004 nông nghiệp vùng này tạo ra 40% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp cả nước, so với 38,3% của năm 1998, 37,9% của năm 1995, 35,7% năm 1990 và 34,17% của năm 1985. Nếu tính theo giá trị nông sản hàng hóa và xuất khẩu thì vị thế của đồng bằng sông

Cửu Long còn cao hơn nhiều. Đó là những thành tựu ngoạn mục, rất đáng tự hào của đồng bằng sông Cửu Long

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn, nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long cũng còn nhiều khó khăn và thách thức:

Thứ nhất, dân số tăng nhanh cùng với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đã làm cho quỹ đất nông nghiệp trong vùng giảm nhanh cả về số tuyệt đối và bình quân đầu người: mật độ dân số năm 1988 là 366 người/km² đến năm 2004 lên 456 người/km², diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người từ trên 2.000 m² giảm xuống 1.800 m², riêng đất lúa từ 1.600 m² xuống còn 1.278 m² trong thời gian tương ứng. Có thời kỳ: 1980 - 1990 quỹ đất nông nghiệp toàn vùng giảm hơn 100 nghìn héc-ta, trong đó đất lúa giảm 40 nghìn héc-ta. Đến nay đất có khả năng khai hoang phục hóa không còn nhiều trong khi dân số và các nhu cầu đất cho xây dựng cơ bản và đô thị hóa vẫn tiếp tục tăng nhanh.

Thứ hai, nguồn nước sông Cửu Long tuy dồi dào, nhưng cũng đang xuất hiện xu hướng không ổn định. Năm 1998 không có lũ, năm 1999 lũ nhỏ và năm 2000, 2003 thời tiết lại diễn biến thất thường, không có lũ hoặc lũ nhỏ đã hạn chế khả năng bồi tụ phù sa cho vùng châu thổ này, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho sâu bệnh, chuột phá hoại mùa màng. Các năm khác lại lũ lớn, về sớm gây khó khăn cho sản xuất vụ hè thu và vụ mùa. Trong vấn đề này cần phải tính toán những tác động tiêu cực đến đồng bằng sông Cửu Long từ yếu tố khai thác nguồn lợi từ sông Mê Công của các quốc gia phía thượng nguồn.

Thứ ba, xu hướng tăng lên 3 vụ, thêm vụ chét ở nhiều địa phương trong vùng (Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp, An Giang) đang có nguy cơ làm bạc màu đất lúa, nhưng chưa được quan tâm xử lý. Một xu hướng ngược lại, chuyển đất lúa thành đất vườn để trồng cây ăn trái một cách tự phát, mà phổ biến là lên mô,

lên liếp ở các tỉnh Tiền Giang, Long An. Tất cả điều đó đang cần một sự quy hoạch phát triển thật khoa học để tránh những hậu quả tiêu cực do thị trường, cản dòng chảy vào mùa lũ...

Thứ tư, thị trường và giá cả nông sản không ổn định, nhất là các loại nông sản hàng hóa chủ lực đã và đang làm cho nông dân chưa yên tâm đầu tư vốn và lao động để mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Trong 2 năm 2003 và 2004 tuy giá lúa gạo tăng cao nhưng giá phân bón, thuốc trừ sâu còn tăng nhanh hơn giá lúa nên lợi nhuận thu được từ cây lúa vẫn không ổn định.

Thứ năm, tình trạng tự phát trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng - vật nuôi, nhất là chuyển đất lúa sang nuôi tôm ở vùng bán đảo Cà Mau, tuy có thể đem lại nguồn thu, nguồn lợi trước mắt, nhưng về lâu dài sẽ ảnh hưởng lớn tới môi trường sinh thái, đất, nước, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ. Những bất cập trong quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp bền vững của vùng vẫn đang là vấn đề tồn tại lớn hiện nay.

Thứ sáu, một bộ phận nông dân không có đất, hoặc thiếu đất nông nghiệp là vấn đề nổi cộm của đồng bằng sông Cửu Long vẫn chưa có giải pháp phù hợp...

Tóm lại, để nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh hơn và vững chắc hơn trong thế kỷ XXI, mỗi xúng đáng là vựa lúa số 1 của cả nước, bên cạnh sự nỗ lực chủ quan của các địa phương và bà con nông dân trong vùng, rất cần sự quan tâm và hỗ trợ tích cực của Nhà nước về cơ chế, chính sách, vốn đầu tư, khoa học - công nghệ và thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa trong và ngoài nước. Tin tưởng năm 2005 và các năm tiếp theo, nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long sẽ có tiếp tục phát triển toàn diện và tăng trưởng cao và là một mô hình tiêu biểu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam. □